

HÌNH TƯỢNG PHỤ NỮ TRONG TÔN GIÁO DÂN GIAN VIỆT NAM

Tóm tắt: Bằng phương pháp thống kê và phân loại học đối với các thần tích của các vị linh thần đã và đang được thờ phụng trong tôn giáo dân gian ở Việt Nam, kết hợp với các thông tin điền dã nhân học trong nhiều năm nghiên cứu văn hóa và tôn giáo dân gian, trên cơ sở phân tích các mô típ xây dựng hình tượng nữ thần, các cách thức biểu đạt về hình dáng, kích thước và biệt tài của các vị nữ linh thần đã và đang được phụng thờ trong các cơ sở tôn giáo dân gian ở những vùng miền, tộc người khác nhau trên khắp cả nước, bài viết tập trung làm rõ mấy nội dung chính sau đây: 1) Tần xuất xuất hiện thần linh tính nữ trong thần tích, thần phả của các vị thần trong tôn giáo dân gian ở Việt Nam. 2) Làm rõ tính bao quát, tính đại diện trong tư duy xây dựng thần linh sáng tạo vũ trụ là nữ thần của người Việt Nam. 3) Liên hệ bản sắc văn hóa Việt Nam trong sáng tạo và bảo tồn văn hóa gốc.

Từ khóa: Phụ nữ; tôn giáo dân gian; Việt Nam.

Dẫn nhập

Khái niệm hình tượng (Image) là sự phản ánh hiện thực một cách khái quát bằng nghệ thuật dưới hình thức những hiện tượng cụ thể, sinh động, điển hình, nhận thức trực tiếp bằng cảm tính. Từ khái niệm này thì hình tượng người phụ nữ trong tôn giáo dân gian được hiểu là sự phản ánh về người phụ nữ Việt Nam qua các hình thức xây dựng mô típ thần linh khác nhau, với các cách thức và bút pháp mô tả theo cảm nhận trực quan của người Việt Nam xưa. Ở khía cạnh khác,

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 14/6/2021; Ngày biên tập: 30/9/2021; Duyệt đăng: 16/11/2021.

thông qua các mô típ thần nữ đó cũng thấy được tư duy vũ trụ luận và nhân sinh quan tôn giáo của người Việt Nam trong nhận thức về vai trò giới nói riêng về bản nguyên vũ trụ luận nói chung.

Có thể nói, thờ thần linh tính nữ không phải là trường hợp dị biệt của tôn giáo dân gian Việt Nam. Giống như nhiều dân tộc trên thế giới, trong văn hóa tôn giáo của người Việt Nam thì hệ thần linh tính nữ cũng là một lực lượng tồn tại song song với hệ thần linh tính nam. Điều đáng lưu ý ở đây là trong bối cảnh văn hóa trọng nam thì số lượng và đối trọng quyền năng của hệ thống nữ thần là khá nhiều và không hề thua kém nam thần. Thực tế này không chỉ phản ánh vai trò của phụ nữ trong tâm thức dân tộc mà còn cho thấy một nguyên lý mẹ khá rõ rệt trong văn hóa tôn giáo ở Việt Nam. Thể hiện trên các khía cạnh sau.

1. Mật độ thần nữ trong các cơ sở tôn giáo dân gian và sự thừa nhận về đẳng cấp nữ thần của nhà nước phong kiến trong các sắc phong thần

Trong một nghiên cứu, Mai Thị Ngọc Chúc và Đỗ Thị Hảo đã cho thấy ở Việt Nam có tới 140 vị nữ thần trong đó bao gồm cả nhân thần và nhiên thần¹. Tỷ lệ này cho thấy số lượng thần nữ chiếm khá đông trong danh sách các vị thần ở Việt Nam. Điều này không chỉ phản ánh về thực tế vai trò của người phụ nữ trong đời sống xã hội mà còn cho thấy tư duy trọng nữ khá rõ nét trong sáng tạo văn hóa tôn giáo ở Việt Nam. Vậy vấn đề đặt ra là văn hóa lúa nước kéo theo vị thế, vai trò và chức năng của người phụ nữ trong gia đình, xã hội trở nên trội vượt mà được thừa nhận trong đời sống để đi vào cả sáng tạo văn hóa? Hay bản năng nhạy cảm, thể âm, thuộc âm của phụ nữ có thể/có khả năng liên hệ/chuyển giao/kết nối được với các quyền năng siêu phàm? Tổng hợp một số sắc phong thần của triều đình phong kiến cũng cho thấy ngay cả các vị quân vương (người đứng đầu và đại diện cho nền quân chủ với những mẫu hình cai trị của văn hóa Nho giáo) cũng phải thừa nhận về quyền năng của các nữ thần. Hãy xem các *tước vị* của thần nữ ở Việt Nam trong bảng tổng hợp dưới đây.

Bảng 1. Danh sách các thần nữ ở Việt Nam

Stt	Danh sách các thần nữ	Sắc phong thượng đẳng tối linh thần	Sắc phong thánh mẫu	Sắc phong phu nhân; công chúa	Nơi thờ cúng chính
1	Bà chúa Liễu Hạnh	x	x		Phủ Dày - Nam Định; Đền Sòng - Thanh Hóa; phủ Tây Hồ - Hà Nội
2	Bà chúa Bối Nguyệt Hồ			x	Đền thờ ở xã Hương Vĩ, huyện Yên Thế, Bắc Giang
3	Bà chúa Kho			x	Cổ Mễ, Bắc Ninh
4	Bà chúa Kho			x	Giàng Vỡ, Hà Nội
5	Bà chúa Kho			x	Lý Nhân, Hà Nam
6	Hậu Thổ Phu Nhân			x	Láng Thượng, Hà Nội
7	Bà Thai Dương	x		x	làng Thai Dương, Huế
8	Thần nữ Yang Po Iná Năgar	x			Điện Hòn Chén, Huế Tháp Bà, Nha Trang
9	Bà Đen		x		Núi Bà Đen, Tây Ninh
10	Bà Chúa Xứ núi Sam		x		đình Núi Sam, Châu Đốc
11	Bà Lê Hoa			x	Hải Phòng
12	Bà Ngô Thị Ngọc Dao		x		Đốc Hồ Điện - đền Mẫu Thái Bình
13	A Nương Công Chúa			x	Đốc Hồ Điện - đền Mẫu Thái Bình
14	Mẫu Sơn	x			Đền Mẫu Sơn (Lạng Sơn)

Như vậy, chỉ điểm qua một số sắc phong đã cho thấy được hình tượng người phụ nữ Việt Nam hiển hiện trong văn bản nhà nước với những vị thế rất đỗi tự hào, khi thì là “Hộ Quốc Bình Nhung Chế Thắng Bảo Hòa Diệu Đại Vương”, “Thượng Thượng Đẳng Tối Linh

Vi Bách Thần Chi Thủ”, “Mã Hoàng Công Chúa, Thượng Đẳng Tối Linh Tôn Thần” (Bà chúa Liễu); khi thì là “Quản Trưởng Quốc Khố Công Chúa”, “Khố Nương Công Chúa Quản Chương Quốc Khố Đại Phu Nhân” (Bà chúa Thóc); khi thì là “Nguyệt Nga Phu Nhân”, “Nguyệt Nga Công Chúa” (Bà chúa Bói); rồi “Hồng Nhân Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần” (Bà mẹ Xứ sở); rồi “Linh Sơn Thánh Mẫu”, “Dực Bảo Trung Hưng Linh Phù Chi Thần” (Bà Đen; A Nương Công chúa); “Ứng Thiên Hậu Thổ Phu Nhân” (nữ thần đình Ứng Thiên), v.v... Mặc dù trong đó có rất nhiều các nữ thần có xuất thân bình dân nhưng đều được quý tộc hóa, linh thiêng hóa trong ứng xử của triều đình khi ban sắc phong.

Với hàng loạt sắc phong thần như thế cho thấy rằng, ở Việt Nam dưới thời phong kiến trọng nam, khinh nữ (đã thể hiện trên nhiều khía cạnh của tâm lý và đời sống xã hội và phổ biến ở cách ứng xử trong gia đình cũng như ngoài xã hội, từ luật pháp tới luật tục thì trong lĩnh vực tâm linh tôn giáo nữ thần lại được tước phong (của vua) là rất phổ biến với những vị thế sánh ngang với nam thần. Cho dù họ là ai, nguồn gốc ra sao, sáng tỏ tường minh hay còn nghi vấn, thuộc hoàng tộc hay thứ dân thì đối với quân thần nhà nước, họ vẫn là những con người rất đáng trân trọng, có tước vị hãn hoi và đều được thừa nhận là những tối linh thần. Để được chính danh như vậy từ phía nhà nước phong kiến và được đời đời khói hương phụng thờ trong nhân dân thì ngoài những phẩm chất mang tính đại diện, khái quát hóa những nhân cách điển hình cho nhiều thế hệ phụ nữ Việt Nam họ còn có những bản sắc đặc biệt. Những đặc tính đó vừa là do tự thân vừa do sáng tạo dân gian gán cho, bồi đắp xây dựng mà thành. Đời này qua đời khác, có thờ có thiêng để rồi quyền năng của thần là không thể không thừa nhận. Sắc phong thần chính là thể hiện tước vị, là chứng chỉ quan trọng nhất của nhà nước về việc thừa nhận công lao, đóng góp và những quyền năng của thần nữ.

Thần tích về các nữ thần ngoài những nhân vật lịch sử có thật, như: Bà Trưng, Bà Triệu, Lê Chân, Ngô Thị Ngọc Dao, Nguyên Phi Ỗ Lan,... với gốc gác quý tộc và công lao lớn đối với đất nước khi sinh thời, trong hàng ngũ các nữ thần Việt Nam có rất nhiều người xuất

thân bình dị nhưng khi thành thần họ đều được nhà nước thừa nhận, công nhận và ban mỹ tự mà thành các Phu nhân, Công chúa, Linh phù chi thần, Thượng đẳng thần, Thượng đẳng tối linh thần... Ở khía cạnh này cho thấy, về mặt nhận thức từ triều đình tới thứ dân thì quyền năng của các nữ thần không hề thua kém nam thần. Điều này cho thấy một nhận thức bình đẳng giới rất rõ ràng trong tư duy tâm linh tôn giáo của người Việt Nam. Thực tế này phải chăng đã chịu ảnh hưởng từ sự “giáng phúc gieo họa” của các nữ thần là khủng khiếp hay phản ánh từ thẳm sâu trong tâm thức Việt Nam với một cơ tầng văn hóa nữ quyền từng tồn tại dài lâu và ghi dấu không thể phai mờ trong ký ức dân tộc. Vì thế ngay cả khi vay mượn tư duy Nho giáo làm hệ tư tưởng quốc gia thì phân vô thức – tâm linh kia của dân tộc cũng không thể nào chạm tới. Vì thế trong xã hội thực có thể “phu xướng phụ tùy”, “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô” nhưng trong thế giới tâm linh tôn giáo thì thần nữ với thần nam là bình đẳng, quyền năng là ngang nhau và sự tôn kính cũng không hề thua kém!

2. Hình tượng người phụ nữ trong các truyền thuyết, thần tích, thần phả ở Việt Nam² (Xem bảng 2 cuối bài)

Điểm qua khoảng hơn 70 thần tích về các nữ thần được thờ ở Việt Nam cho thấy: Mặc dù chịu ảnh hưởng thường xuyên, liên tục tư tưởng trọng nam khinh nữ và văn hóa Hán thấm đến tận tầng lớp trung lưu, bình dân, song như Phan Ngọc nhận xét, ở Việt Nam vẫn có cái gọi là giải Hoa hóa, còn gọi là khúc xạ văn hóa Hán. Sự khúc xạ này thể hiện trên khá nhiều bình diện: luật pháp, ứng xử trong cuộc sống và đặc biệt là trong lĩnh vực tâm linh tín ngưỡng dân gian. Có thể khi sống ít và hiếm có phụ nữ nào được tuyên dương (trừ tuyên dương về tiết hạnh khả phong cho sự nghiệp cả đời thờ chồng nuôi con của họ) nhưng tỷ lệ phụ nữ được phong thần lại chiếm một tỷ lệ không hề khiêm tốn ở Việt Nam. Điều này không chỉ nói lên một thế ứng xử của người Việt Nam với phụ nữ mà còn cho thấy bản nguyên nữ có tính bao trùm, chi phối trong văn hóa tâm linh Việt Nam.

Có thể thấy trong sáng tạo thần tích, truyền thuyết dân gian về các nữ nhân, nữ thần ở Việt Nam là vô cùng nhiều, các thống kê ở đây chưa thể liệt kê hết về thần tích, truyền thuyết tồn tại trong dân gian lưu

truyền về những liệt nữ đó nhưng nếu xâu chuỗi lại về họ với tư cách biểu tượng, biểu trưng, ta sẽ thấy tất cả những đặc điểm, tính cách cũng như nhân phẩm và bản lĩnh sức vóc và cả những đức tính phi thường của người phụ nữ Việt Nam trong tâm tưởng dân gian. Nếu gạt đi tất cả những màn sương mờ ảo của tâm linh, những quy phạm của nghi thức tế lễ dân gian và những gán ghép sáng tạo kiểu văn hóa dân gian thì ta vẫn nhận thấy đó đây tâm hồn tính cách của phụ nữ Việt Nam.

Xuất hiện trong thần tích, truyền thuyết dân gian hết sức phong phú sáng tạo và sinh động: khi thì là tiên nữ xinh đẹp, với mái tóc mát rượi và khuôn mặt ánh lên muôn ngàn hào quang quyến rũ, xuất hiện huy hoàng với vai nữ thần vàng; khi thì đau đớn và uất hận đã đập đầu vào đá để kêu oan cho chồng mà tuần tiết với cái chết tiết liệt và ám ảnh để đòi lại công bằng cho chồng của nàng Bình Khương; khi thì đau đáu thương yêu chờ chồng hóa đá của Nàng Tô Thị và rồi nhớ chồng ra ngồi trên bãi biển mà khóc, hóa thành khối đá của hình tượng Thai Dương phu nhân; ở những hoàn cảnh khác khi chiến tranh xảy ra thì phụ nữ Việt Nam cũng xuất hiện đầy *anh hùng quả cảm với tư cách những phụ nữ kiệt xuất*, như: Bà Trưng, Bà Triệu, Bát Nàn tướng quân, Phương Dung, Bà Áo The, Bà Vú Thúng... khi thanh bình lại xuất hiện *những phụ nữ làm chính trị có tầm nhìn chiến lược sâu sắc* trong công cuộc chính trị của đất nước với nhân vật Dương Vân Nga, Ý Lan, Huyền Trân, Ngọc Vạn, An Tư... Hoặc là những người *vốn chịu khó hay làm, biết khai hoang khẩn hóa tạo ra ruộng đất ở đây phì nhiêu, màu mỡ mà chiêu dân và cấm đất làm đồn điền* (Bà chúa Kho; Nàng Siao Cãi); *thông minh lanh lợi* khi quan sát tự nhiên mà sáng tạo nên nghề để truyền lại cho dân, như: Bà chúa Tây Lãng, Thiều Hoa, Thụ La... Trong diễn đàn văn hóa dân gian thì lại *tỏa sáng với các vai diễn những tinh hoa văn học* với Hồ Xuân Hương, Ngô Chi Lan, Ngọc Hân; khi thì lại là những hình ảnh của người con gái Ngọc Hoàng với *tính tình phóng túng, ngang bướng không chịu nghe theo khuôn phép nhà trời nên tung tích vô định, khi thì hóa thành cô gái thổi sáo, khi thành bà già chống gậy, ẩn hiện bất thường* của Chúa Liễu. Cũng có khi dân gian lại đối nghịch hẳn với tư duy hủ Nho mà xây dựng nên những hình tượng khác biệt hẳn, đó chính là hình tượng về “Bà chúa Chè” (Tuyên Phi Đặng Thị Huệ) rất đổi thân thương gần

gũi, hay nhân vật Mẫu Thoải chính là con gái Long Vương tại Động Đình Hồ vì yêu chồng mà chịu mọi nhẫn nhục thiệt thòi đến mức bị chính chồng và vợ lẽ bỏ vào rừng; hoặc chịu mọi oan khuất đến mức bị chồng nghi oan mà giết như thần núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn)...

Tất cả những mô típ này là sáng tạo dân gian hay khái quát lên từ hiện thực? Có phải ngẫu hứng không hay ý đồ của dân chúng nhằm xây dựng nên hình tượng người phụ nữ Việt Nam với đầy đủ mọi khía cạnh của nhân cách con người. Dựa vào các mô típ dân gian khi xây dựng hình tượng nữ thần mà có thể phân loại thành các mô thức như sau:

1) *Mô thức về người phụ nữ khổng lồ* – gắn liền với vai trò sáng tạo thế giới. Đó là những bà: Dạ Dàn, Slao Cãi, Vú Thúng, Nữ Oa, Bà Đà, Mụ Giạ, rồi nữ thần xứ sở Pô Yang Inur Naga... Mỗi bà khi ra đời đều đặc biệt nếu không to lớn khác người thì khi sinh ra cũng đầy khác lạ: *Khi cất tiếng khóc chào đời thì hương thơm tỏa ngát, trên trời có mây lành che chở, điềm báo “Tiên nữ giáng trần”*. Lớn lên ngày càng xinh đẹp, chăm đọc chữ, giỏi đàn sáo, tinh thông âm luật (Âu Cơ) hương thơm lan tỏa (khi sinh Mẫu Liễu; La Bình...). Nguồn gốc nếu không con trời tiên nữ giáng trần (Âu Cơ, Mẫu Liễu) thì cũng là được sinh ra từ mây trời và từ bọt biển (Nữ thần Po yang I nur naga). Hôn nhân của họ cũng khác lạ với thông thường, thậm chí là bất thường: *kết hôn tới 97 người chồng, và bà đã sinh 38 người con gái (của Thần xứ sở); kết hôn với thần rồng, đẻ ra trăm trứng (Âu Cơ); hay bị Giao Long phủ mà đẻ ra thần thiêng (bà mẹ của thần thành hoàng); hoặc giẫm phải vết chân khổng lồ mà thoát thai Thánh Gióng; hoặc mỗi lần đẻ tới 5 con, mười lần thành 100 con của nàng Slao Cãi...* Rõ ràng với mô thức sáng tạo này người phụ nữ không còn ở dạng bình thường trong vai trò của người phụ nữ bình thường com bung nước rớt, đầu tắt mặt tối chỉ để nâng khăn sửa túi cho các đấng nam nhi nữa và vụt lớn lên thành những bà khổng lồ với vai trò sáng tạo thế giới, trời đất và vạn vật. Nói một cách ngắn gọn họ là những nữ thần sáng tạo ra vũ trụ, thế giới. Với những mô thức này hình tượng người phụ nữ đều mang những đặc tính dị biệt và có những khả năng và năng lực phi phàm. Phải chăng ước mơ “ví đây đổi phận làm trai được, thì sự anh hùng há bấy nhiêu” (Hồ Xuân Hương) đã khiến cả nhân gian và một nửa thế

giới sẵn sàng sáng tạo lại, cấu trúc lại hình ảnh về giới của mình để tìm ra cách, con đường mà in tạc họ vào núi sông và sống mãi trong tâm thức con người Việt Nam. Ở khía cạnh khác cũng cho thấy sức tưởng tượng sáng tạo hết sức diệu kì của người Việt Nam về tầm nhìn và năng lực vô biên của lớp lớp những người phụ nữ trên mảnh đất này. Trong vai trò các bà khổng lồ có thể ngăn sông lấp biển, sản sinh núi đồi trong một vài ngày; bước những bước đi khổng lồ để định ra biên giới rộng lớn cho người Việt Nam... nhưng thực ra đó là những công việc làm của các lớp phụ nữ, đời này, đời khác nối tiếp nhau mà làm nên non sông và những cánh đồng thẳng cánh cò bay đất Việt. Bàn tay nhỏ bé, thân hình mảnh mai, lam lũ sớm hôm đầu tắt mặt tối nhưng đời này làm, đời sau tiếp nối mà thành bờ xôi ruộng mật, thành xóm thành làng. Hình ảnh các bà khổng lồ một phần là do sự sáng tạo dân gian nung nấu mà thành, phần khác là khát vọng ước mơ của bao lớp phụ nữ chân lấm tay bùn muốn vươn mình lớn lao, có trí tuệ và năng lực thể chất phi phàm để dựng xây đất nước.

2) *Mô thức về những phụ nữ kiệt xuất gắn liền với chiến tranh và chính trị, như:* Hai bà Trưng, Bà Triệu, Nàng Han, Bát Nàn Công chúa; Dương Vân Nga, Ý Lan; Chiêu Dung Công chúa Lý Thị Ngọc Ba với vai trò là nữ tướng dưới thời Hai bà Trưng, Châu Mười với những chiến công giúp Lê Lợi đánh tan quân Liễu Thăng. Trong mô thức này những nhân vật vừa có thật, vừa không thật. Có thật thì làm cho phải có những đặc điểm, chi tiết khác thường mang đầy chất liệu tâm linh và huyền thoại kiểu như *đám mây che trên đầu cô thôn nữ hái dâu khiến vua thấy lạ mà rước về cung, phong làm Thần Phi* (Ý Lan). Ở trường hợp khác khi nhân vật chủ yếu là mang tính huyền thoại thì dân gian lại sáng tạo để làm cho có thật như trường hợp các bà châu trong hệ thống Tứ phủ. Ở đây trí tuệ dân gian đã vừa kết hợp sử, văn học sử vừa kết hợp với sức sáng tạo dân gian mà xây dựng nên hình tượng những nhân vật nữ điển hình với những công việc cụ thể nhưng để lại dấu ấn lớn lao trong lòng dân chúng. Rõ ràng ở khía cạnh này văn hóa dân gian, mà cụ thể là tín ngưỡng dân gian đã làm cái việc là điền vào chỗ trống của chính sử, sáng tạo lại lịch sử bằng loại hình văn học sử. Có thể nhận định đó cách dân ta công bằng với người phụ nữ, nhưng về mặt sáng tạo văn hóa thì đây là cách để linh thiêng

hóa, trao quyền năng phi phạm cho những liệt nữ của nhân dân. Ở khía cạnh này ta thấy rất rõ cách xây dựng hình tượng người phụ nữ Việt Nam của nhân dân rất khác so với các sử gia phong kiến với tâm thế riêng biệt và đối lập.

3) Mô thức về những phụ nữ làm kinh tế xuất sắc

Với mô thức này tỷ lệ các nữ thần xuất hiện khá nhiều (xem bảng tổng hợp). Họ sống mãi trong lòng dân với vai trò bà chúa tạo dựng dân làng mở mang điền trang thái ấp, kiến thiết khẩn hoang tạo ra bờ xôi ruộng mật lo sinh kế muôn đời cho nông dân³. Trong bối cảnh văn hóa văn minh nông nghiệp, với người nông dân thì tư liệu sản xuất và phương cách tạo sinh kế lâu dài chính là điểm mấu chốt tạo nên sự sống và sức sống cho xóm làng. Thần tích về họ gắn chặt với đời sống sinh kế của người dân. Đó là lý do vì sao trong tâm thức người nông dân Việt Nam thì anh hùng của họ cũng chính là những người có công mở làng mở đất, khai hoang khẩn hóa, truyền nghề chữa bệnh, xây dựng đình đền... Khi các lớp bụi thời gian lâu dần đã xóa đi kí ức ban đầu thì những vị nữ thần dạng này chỉ còn đọng lại trong tâm thức dân gian với vai trò nữ thần phù cho làm ăn, sinh kế và họ trở thành những bà chúa kho lương, bà chúa tầm... ở quy mô quốc gia. Ở quy mô gia đình, làng xóm, họ chính là người tay hòm chìa khóa, phát nương làm rẫy, chiêu mộ dân làng đấu tranh sinh tồn để tạo dựng cuộc sống ấm no.

4) Mô thức về những phụ nữ trung trinh tiết liệt nhưng chịu hàm oan mà chết

Đây cũng là mô thức khá phổ biến trong thần tích nữ thần ở Việt Nam. Họ đều là những người vợ, người mẹ bình dị thủy chung hết lòng với gia đình, chồng con nhưng bị hàm oan mà mang tiếng xấu đi rồi có người phải tự vẫn, có người bị chính chồng, cha mình giết chết (thần tích về nữ thần núi Mẫu Sơn (Lạng Sơn), thần tích về My Châu,...). Với những mô thức này, dân gian giải thích vì ngậm oan mà chết nên tinh khí không tan mà trở nên linh thiêng lạ kỳ, có thể giáng họa gieo tai bất kỳ khi nào, vì thế dân thờ để cầu an, phù trợ⁴.

Thực tế đây là mô thức phản ánh chân thực về nhiều số phận phụ nữ Việt trong bối cảnh của chế độ Quân - Sư - Phụ, khi mà vị thế xã hội của nữ giới đã thất bại trong xã hội phong kiến lấy tư tưởng Nho giáo làm bệ đỡ⁵.

5) *Mô thức về những người phụ nữ với những cuộc sinh nở dị thường*

Họ là mẹ của những *Đương cảnh thành hoàng* đang được thờ ở biết bao làng xã Việt Nam với những chi tiết hết sức kì lạ đến hoang đường để rồi hoài thai sinh ra thần: bà mẹ mơ thấy rắn hoa sinh ra thần Dương Quan; bà mẹ nhặt được ngoài suối hai quả trứng rắn đem về trứng vỡ bắn nước vào người nên có mang sinh ra hai trứng nở ra hai con rắn sau âm phù vua Lý Nam đế mà được thờ làm thần; bà mẹ mơ lên Trời bẻ một hoa quế, bèn mang thai sinh ông Hồng, sau phù vua Lý Nam Đế đánh giặc; bà mẹ bắt được con rắn vàng, rắn quắn bà, mang thai sinh ra ông Minh có một sừng rắn sau lưng, giúp vua Lý Nam đế đánh giặc, sau hóa được phong Thành hoàng; bà mẹ Chu Nương một đêm nằm mộng thấy hai con gấu bèn có mang sinh ra ba ông, sau giúp vua Lý Thánh Tông nên được phong Thành hoàng; bà mẹ giẫm vào vết chân lạ để sinh ra Thánh Gióng; bà mẹ tắm ở Hồ Tây bị giao long phủ sinh ra thần Linh Lang; bà mẹ đi xúc tép nhặt được hai trứng rắn đem về nuôi thành hai ông Trương Hồng, Trương Hát, v.v... Ở đây chi tiết hoài thai dị thường một phần phản ánh một thời kỳ dài trong lịch sử về chế độ Mẫu quyền ở Việt Nam, nhưng mặt khác những sáng tạo dân gian còn mong muốn không chỉ làm cho gốc gác của thần nhuốm màu sắc tâm linh mà còn mong muốn làm cho bà mẹ cũng trở nên bất bình thường một cách kỳ vĩ. Các bà mẹ đều là gốc gác nông dân, nhưng nuôi dưỡng được những người con có công lao lớn với quốc gia dân tộc thì những công lao ấy phải được coi là kỳ tích và cuộc hoài thai của mẹ hẳn không thể theo nguyên lý thông thường, với người thường mà phải là có thai với thần thánh. Ở đây cuộc sinh nở thông thường đã thay thế vào đó là những cuộc sinh nở dị thường mà kỳ vĩ.

Rắn, giao long – bà mẹ là một mô thức phổ biến trong các cuộc hoài thai của những bà mẹ sinh anh hùng ở Việt Nam. Rắn cũng là một mô thức đặc biệt trong sáng tạo văn hóa và sáng tạo sự sống trên thế giới. Với đặc tính là bản năng sâu xa của căn tính âm, gắn liền với phụ nữ và đồng thời cũng là có thể từ bỏ vẻ ngoài giống đực để trở thành giống cái, lột xác để tái sinh, v.v... Rắn được các nhà phân tâm học cho rằng nó là phần lý trí ít kiểm soát nhất của con người. Ở một

phương diện khác, người Pygmees lại cho rằng, rắn là biểu tượng của cội nguồn sự sống và cũng là biểu tượng của linh hồn, nhục dục⁶. Như vậy, từ đặc tính của rắn bí ẩn, bí mật không thể lường trước cũng như không thể hiểu được các kiểu hóa thân của nó mà rắn được coi là biểu tượng của “bản thể vô hình, sống tận tầng sâu của ý thức”. Với đặc tính song sinh trong chính nó, rắn cũng được ví như bản thể của các vị thần khởi nguyên trong biểu hiện ban đầu của mình, và đó luôn là những con rắn vũ trụ. Từ khía cạnh này mà trong hầu hết các nền văn hóa thế giới, rắn đều được coi là “biểu tượng kép của linh hồn và nhục dục”, là “mẫu gốc quan trọng của nhất của tâm hồn con người” (Bachelard, 212).

Trong Mật tông, rắn bản nguyên được gọi là Kundalini, luôn ở trong trạng thái “cuộn khúc ở chân cột sống, trên luân xa trong trạng thái ngủ, khi bị đánh thức sẽ có trạng thái rút lên và cứng người lại và liên tiếp leo lên các luân xa, khi đó dục năng dâng lên là sự sống tái hiện”⁷. Chi tiết này cho thấy trí tuệ dù là rất thần thánh thì cũng vẫn phải công nhận sự có trước của cái tồn tại nguyên thủy. Bản năng mẫu gốc của rắn còn được coi như là vị chúa tể của phép biện chứng sống, nó là vị tổ tiên huyền thoại, vị bán thần khai hóa và cũng là chúa tể của phụ nữ.

Tính phổ cập của các truyền thuyết coi rắn là chúa tể của phụ nữ còn xuất hiện ở nhiều vùng trên thế giới và đó được coi là biểu tượng của sự phì nhiêu, sinh sản. Nhiều nhà dân tộc học, như: Éliade, Krappe, Bauman đã minh chứng về mối liên hệ phụ nữ - rắn với các cứ liệu về nét đặc thù của các xã hội mẫu hệ: Người Tchoko (Angola) đặt một con rắn bằng gỗ dưới giường cưới để đảm bảo khả năng thụ thai của của người phụ nữ. Ở Ấn Độ, những người phụ nữ muốn có con phải nhận một con rắn hổ mang làm con nuôi. Người Tupi – guarani (Braxin) có tục cầm con rắn quật vào háng người phụ nữ vô sinh để họ có thể trở thành mắn đẻ⁸. Điều này cho thấy cuộc hoài thai của các bà mẹ Việt Nam với rắn, giao long để sinh ra các thần thành hoàng cũng là mô thức sáng tạo dân gian phổ biến trên thế giới khi xây dựng hình tượng các vị thần và cuộc hành trình sinh nở kỳ vĩ của các bà mẹ. Với những chi tiết này, hình tượng phụ nữ nói chung, phụ

nữ Việt Nam nói riêng đã được nâng lên một tầm cao mới với một vị thế mới: *kết hợp với thần nguyên khởi để tạo ra sự sống bất diệt.*

Truyện kể là những thêu dệt sáng tạo của dân gian nhằm thỏa mãn tính sáng tạo và phục vụ thị hiếu thẩm mỹ dân chúng. Thần tích là để xây dựng nên cốt cách vị anh hùng liệt nữ và còn để đảm bảo tính thiêng, cũng như duy trì trật tự Thần – Người. Điều rất đáng lưu ý ở đây là tư duy dân gian về các bà nữ thần đều gần như trái ngược với tư duy của các sử gia phong kiến và đối lập hẳn với cái gọi là chế độ Quân – Sư – Phụ. Nhưng điểm mâu chốt quan trọng là hầu hết các triều đại phong kiến đều thừa nhận thông qua việc sắc phong thần và cho dân tạo lệ cúng thờ. Phải chăng cái quan trọng ở đây là sáng tạo dân gian đã diễn hình hóa, nâng cấp tư duy tính cách của người phụ nữ mà thiết lập được hệ thống nữ thần qua đó khơi lại mạch nguồn, gửi gắm hệ tư duy vũ trụ luận về nguồn gốc giống nòi và thiết lập những kỳ tích văn hóa và anh hùng văn hóa mang bản chất nữ - âm.

Ở khía cạnh khác với tư duy nông nghiệp lúa nước – địa bàn có thể phát huy cao nhất vai trò của người mẹ và đặc trưng âm tính, ôn hòa, hài hòa của xã hội nông nghiệp đã khiến cho thế ứng xử quân bình âm – dương trở nên phổ biến, thậm chí trội âm⁹. Với đặc tính này của xã hội nông nghiệp Việt Nam mà tính Cái được coi trọng, nữ thần, thánh mẫu nhanh chóng trở thành điểm tựa, bệ đỡ tâm linh, tinh thần cho phụ nữ và toàn bộ cộng đồng.

Trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam thì sự hiện diện của các thần linh tính nữ được thờ cúng với tư cách phúc thần ở hầu khắp mọi nơi. Thần phủ các ngôi đình, đền, phủ khắp cả nước đều ghi những dòng hết sức sâu sắc về họ với tư cách những phúc thần được dân chúng địa phương hết mực sùng kính. Phải hiểu về đời sống tâm linh người Việt như Leopold Cadiere hiểu: “tôn giáo chiếm hữu người Việt từ lúc chào đời cho đến lúc nhắm mắt”¹⁰, mới thấy được hết giá trị của các hiện tượng/hình tượng người phụ nữ trong đời sống tâm linh tôn giáo trên dải đất Việt Nam. Từ đó mới có thể cảm nhận hết được sự bao phủ đến mức hiển nhiên hình ảnh của họ trong lĩnh vực này. Ở đây, họ không chỉ tạo ra sự kiện lịch sử, văn hóa, tôn giáo mà còn là đối tượng để sáng tạo văn hóa tâm linh.

Có một điểm chung cho tất cả các nhân vật nữ này là dù xuất thân có khác nhau, người từ trong vương phủ bước ra, có người từ chốn dân gian bước vào đời sống quý tộc cung đình nhưng khi họ còn sống luôn là người che chở, phù giúp cho dân, chết đi linh hiển thành thần hoặc trong lòng dân họ trở thành những mẫu thần để tiếp tục có thể phù giúp cho dân làng. “Trăm năm bia đá cũng mờ, nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ” (ca dao). Họ là thần nhưng cũng là hình tượng của phụ nữ Việt Nam đã đi vào lòng dân, đi vào văn hóa dân tộc như thế, với cách đi đặc biệt của mình: lặng lẽ, không phô trương, không trông giống cờ mở, không cần bất cứ một đại diện nào của Nho giáo giới thiệu, họ đã đem tất cả những gì giới mình có để lưu giữ văn hóa dân tộc và cũng vì thế họ sống mãi với văn hóa đất này. Vượt lên khỏi sách vở và đầu óc kỳ thị về giới của những hủ nho, nhiều phụ nữ Việt Nam đã trở thành linh hồn trong những di sản văn hóa vật thể thách thức với thời gian, ở đó họ sống trong lòng dân, trong tình yêu mến và sự ngưỡng mộ của trí tuệ dân gian.

Hàng nghìn ngôi đình, đền, phủ thờ các nữ thần, thánh mẫu còn đó, sừng sững với thời gian, thách thức với quân thù và như những chứng tích khẳng định về lòng kiên trung quả cảm của người phụ nữ Việt Nam khi “giặc đến nhà đàn bà cũng đánh”, hết giặc rồi lại xây dựng xóm làng, truyền nghề tạo việc lo sinh kế cho nhân dân; hưng công đình chùa để lưu giữ văn hóa. Ngày nay, tại các ngôi đền, phủ, đình trên cả nước hằng năm vẫn nghi ngút khói hương, lễ hội vẫn được tổ chức trọng thể với lòng biết ơn những người nữ anh hùng và còn như một minh chứng hùng hồn về những chiến công, kỳ tích mà lớp lớp phụ nữ đất này đã dùng cả cuộc đời, sinh mệnh để tạo dựng nên.

Kết luận

Bằng hệ thống thần tích, các làng xã Việt Nam đã xây dựng hình tượng người phụ nữ Việt Nam bằng những bút pháp đặc tả vừa mang tính khái quát, vừa có bản sắc riêng, vừa bình dị vừa kỳ dị để thỏa mãn khát vọng sáng tạo và lý giải về quyền năng và những kỳ tích mà lớp lớp phụ nữ đất này đã tạo dựng nên. Những thần tích dân gian này mặc dù khó có thể kiểm chứng bằng sự kiện lịch sử, nhưng nó cũng phản ánh một sự thật về tình cảm, sự cảm nhận và tư duy của người

Việt Nam trong xây dựng hình tượng về giới. Trong bối cảnh đa số người dân xưa kia không biết chữ để ghi chép, không khí xã hội đậm màu Nho giáo, phu xướng, phụ tùy... thì kỹ thuật gán cho nữ thần những đặc tính phi phạm, thiêng hóa người trần đã thiêng hóa những cơ sở tôn giáo thờ phụng phụ nữ vượt qua những lần ranh Nho giáo hà khắc nhất để để tồn tại tới ngày nay. Đó cũng là cách để người xưa truyền lại thông điệp cho các thế hệ sau về một dòng văn hóa Mẫu/Mẹ chưa bao giờ bị đứt đoạn trong dòng chảy văn hóa dân tộc./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Mai Thị Ngọc Chúc và Đỗ Thị Hào (1984), *Các nữ thần Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
- 2 Xem: Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Hình tượng người phụ nữ trong tín ngưỡng dân gian Việt Nam*, Đề tài đã nghiệm thu lưu tại Hội Văn Nghệ dân gian Việt Nam.
- 3 Xem: Nguyễn Ngọc Mai (2019), *Phụ nữ Thăng Long – Hà Nội*, Nxb. Hà Nội, tr. 280.
- 4 Xem: Nguyễn Ngọc Mai, *The phenomeno of Mountain God Worship and Vietnamese Attitudes*, Journal of Mountain and Humanities, mã số ISSN 2465-8162, Korea/ 2015. Institute of Mt.Jirisan Region Cutural studies, Sunchon National University, Korea.
- 5 Xem: Lê Thị Nhâm Tuyết (1970) *Phụ nữ Việt Nam qua các đời*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội; Nguyễn Ngọc Mai (2019) *Phụ Nữ Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
- 6 Jean Chevalier & Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng tr. 762.
- 7 Jean Chevalier & alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđđ, tr. 763.
- 8 Jean chevalier & Alain gheerbrant (1990), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Sđđ, tr. 769.
- 9 Xem: Trần Ngọc Thêm (1996), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
- 10 Léopold Cadière (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Đỗ Trinh Huệ dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 16.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đông Chi (1975), *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
2. Mai Thị Ngọc Chúc và Đỗ Thị Hào (1984) *Các nữ thần ở Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.

3. Jean Chevalier & Alain Gheerbrant (1997), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, Nxb. Đà Nẵng
4. Léopold Cadière (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, Đỗ Trinh Huệ dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
5. Vũ Ngọc Khánh (2001), *Đạo Thánh ở Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
6. Nguyễn Ngọc Mai (2016), *Niềm tin và thực hành tôn giáo truyền thống ở Việt Nam (nghiên cứu trường hợp thờ thần/ thánh ở châu thổ Bắc Bộ)*, Đề tài cấp Bộ, lưu tại Viện Nghiên cứu Tôn giáo.
7. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Hình tượng người phụ nữ trong tín ngưỡng dân gian VN*. Đề tài đã nghiệm thu lưu tại Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.
8. Nguyễn Ngọc Mai (2017), *Nghi lễ lên đồng lịch sử và giá trị*, Nxb. Hà Nội.
9. Nguyễn Ngọc Mai (2019), *Phụ nữ Thăng Long – Hà Nội*, Nxb. Hà Nội.
10. Nguyễn Ngọc Mai, *The Phenomeno of Mountain God Worship and Vietnamese Attitudes*, Journal of Mountain and Humanities, mã số ISSN2465- 8162, Korea/ 2015. Institute of Mt.Jirisan Region Cultural studies, Sunchon National University, Korea.

Abstract

IMAGE OF WOMEN IN FOLK RELIGIONS IN VIETNAM

Nguyen Ngoc Mai

Institutte for Religious Studies, VASS

By statistical and taxonomical methods of the King's decrees for the gods worshiped in folk religions in Vietnam, combined with anthropological information of research on culture and folk religions, on the basis of analyzing the motifs of the goddess' image, the ways of expressing the shape, size and talent of the goddesses who have been worshiped in folk religion establishments in different regions and ethnic groups across the country, the article focuses on clarifying the following main contents: 1) Frequency of appearance of female deities in the King's decrees and genealogies of gods in folk religions in Vietnam. 2) Clarifying the inclusivity and representativeness in thinking of the cosmic creator who is the goddess of the Vietnamese people. 3) Vietnamese cultural identity in creating and preserving original culture.

Keywords: Women; folk religions; Vietnam.

Bảng 2. Phân nhóm các loại nữ thần ở Việt Nam

Nhóm 1: nữ thần đại diện cho thế lực tự nhiên	Nhóm 2: Nữ thần có công khai sơn lập địa; xây dựng đất nước	Nhóm 3: Thần tổ mẫu của người Việt Nam	Nhóm 4: Nữ thần dạy nghề	Nhóm 5: Nữ Thần chữa bệnh; sinh sản; có công sinh ra anh	Nhóm 6: Nữ thần ban cho của cải	Nhóm 7: Nữ thần cứu giúp dân làng khỏi thiên tai/ dịch họa	Nhóm 8: Nữ thần với tư cách tâm gương trung trinh tiết liệt
Thần Mặt trời	Bà Mặt trời	Mẹ Âu Cơ	Tiên Dung Mị mường	Bà Đà	Thần Vàng	Bà Khổng Ôn	Nàng Mạnh Khương
Thần Mặt trăng	Thiên Y Ana	Sao cái	Bà chúa Tây Lăng	Bà Banh/Đanh	Bà chúa Kho	Bà Áo The	Tứ vị Thánh nương
Hậu Thổ Phu Nhân	Mụ Dạ Dần (Mường)		Phan Thị Ngọc Đó	Bà Nguyễn Thị Trình – người mẹ sinh anh hùng (được thờ làm thành hoàng)	Thái Dương Phụ Nhân	Bà Vũ Thúng	Lý Thị Thiên Hương (Bà Đen)
Thần nữ Kim - Mộc Thủy - Hỏa - Thổ	Nữ Oa		Thiều Hoa	Phạm Thị Khải - người mẹ sinh anh hùng	Bà chúa Liễu Hành	Thần Mười Hai tay	Bà Vũ (Mẫu Hương Nương)
Kỳ Thạch phu nhân - Bà Đá	Dương Văn Nga		Nàng Sao cái (Tây)	Bà Hoàng Diệu - người mẹ sinh anh hùng	Mị nương Quế hoa	Nàng Chim Thước	Thái Hậu Phương Dung (vợ vua Lý Nam Đế)
Mẫu Thoải (mẹ nước)	Nguyễn Phi Ý Lan		Từ Hoa công chúa	Bà Đào Thị Ngọc - người mẹ sinh anh hùng	Công chúa Đông Quang	Bà Trưng	Nữ thần thờ trong đền Mẫu núi Mẫu Sơn (Lạng sơn)
Mẫu thượng Ngân – mẹ rừng	Lý Chiêu Thành		Nàng Thu La	Bà Hoàng Thị - người mẹ sinh anh hùng	Bà Thiên Hậu	Bà Triệu	

Nhóm 1: nữ thần đại diện cho thế lực tự nhiên	Nhóm 2: Nữ thần có công khai sơn lập địa; xây dựng đất nước	Nhóm 3: Thần tổ mẫu của người Việt Nam	Nhóm 4: Nữ thần dạy nghề	Nhóm 5: Nữ Thần chữa bệnh; sinh sản; có công sinh ra anh	Nhóm 6: Nữ thần ban cho của cải	Nhóm 7: Nữ thần cứu giúp dân làng khỏi thiên tai/ địch họa	Nhóm 8: Nữ thần với tư cách tấm gương trung trình tiết liệt
Mẫu Thiên	Trần Thị Dung		Bà tổ nghề ca công quan họ	Bà Chu Nương - người mẹ sinh anh hùng		Lý Thị Ngọc Ba	
Mẫu Địa	Công chúa An Tư					Ni sư Phụng Dung	
Mị Nương Quế Hoa – Thần rừng	Công chúa Trần Huyền Trân					Châu Năm Sười Lần	
La Bình (Mẫu Thượng ngàn)	Nàng Bích Châu				Thục nương Bát Nàn đại tướng quân		
Bà Đậu	Nguyễn Thị Lô				Chúa Thác Bờ (Đình Thị Văn)		
Bà Đậu	Quận chúa Ngọc Vân				Châu 10 Đồng mỏ		
Bà Tướng	Công chúa Ngọc Hân				Chúa bói Nguyệt Hò		

Nhóm 1: Nữ thần đại diện cho thế lực tự nhiên	Nhóm 2: Nữ thần có công khai sơn lập địa; xây dựng đất nước	Nhóm 3: Thần tổ mẫu của người Việt Nam	Nhóm 4: Nữ thần dạy nghề	Nhóm 5: Nữ Thần chữa bệnh; sinh sản; có công sinh ra anh hùng	Nhóm 6: Nữ thần ban cho của cải	Nhóm 7: Nữ thần cứu giúp dân làng khỏi thiên tai/ địch họa	Nhóm 8: Nữ thần với tư cách tấm gương trung trình tiết liệt
Bà Giản						Nàng Han (Thái)	
Mẫu Sơn						Nàng Tia	
Mẫu Cửu trùng						Bà Lê Hoa (tướng của Hai Bà Trưng)	
						A Duy Công chúa (Nghiêm Thiên muội)	
						Ngọc Nương Công chúa	
						Chiêu Dung Công chúa	
						Bà Chúa Chè	
						Công chúa Mạc...	